BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 3739/QĐ-BNNMT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành nông nghiệp và môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 310/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; Nghị định số 320/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 29/2026/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chuyển đổi số,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành nông nghiệp và môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&CN; Công an; Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, CĐS..

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Đặng Ngọc Điệp

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /QĐ-BNNMT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành nông nghiệp và môi trường

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành nông nghiệp và môi trường (sau đây gọi tắt là HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham gia quản lý, vận hành, khai thác HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ).

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao nhiệm vụ quản trị, vận hành, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thủ tục hành chính (TTHC): là trình tự, cách thức thực hiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân.

2. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành nông nghiệp và môi trường (sau đây gọi tắt là HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường): là hệ thống thông tin tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cho phép tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, triển khai thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo mô hình điều phối cấp bộ - cấp tỉnh; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; tổng hợp, thống kê, báo cáo phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ.

3. Hệ thống điều phối giải quyết TTHC: là thành phần thuộc Cổng Dịch vụ công quốc gia, là kênh truy cập dành cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các bộ, cơ quan, địa phương tiếp nhận hoặc điều hướng về hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện việc điều phối, theo dõi, hỗ trợ quá trình luân chuyển, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia và các bộ, cơ quan, địa phương.

4. Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân: là không gian điện tử riêng của tổ chức, cá nhân tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường để hỗ trợ quản lý, lưu giữ thông tin, dữ liệu điện tử liên quan đến giao dịch hành chính của tổ chức, cá nhân đó, phục vụ tái sử dụng dữ liệu khi thực hiện TTHC.

5. Nhật ký hệ thống: là tập hợp thông tin ghi nhận toàn bộ hoạt động truy cập, xử lý, khai thác, quản trị và sử dụng HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường nhằm phục vụ kiểm tra, giám sát, truy vết và bảo đảm an toàn thông tin.

6. Sự cố hệ thống: là tình trạng HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường bị gián đoạn, suy giảm hoặc mất khả năng cung cấp dịch vụ theo thiết kế hoặc yêu cầu vận hành.

7. Đơn vị quản trị Hệ thống: là đơn vị được giao quản trị, vận hành HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường, gồm Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Thư viện thuộc Cục Chuyển đổi số đối với phần mềm, cơ sở dữ liệu, cấu hình, tài khoản, phân quyền và Trung tâm Hạ tầng số thuộc Cục Chuyển đổi số đối với hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin.

8. Tài khoản quản trị cấp tỉnh: là tài khoản cấp cho đầu mối của Sở Nông nghiệp và Môi trường, được phân quyền quản trị Hệ thống đối với các TTHC ngành nông nghiệp và môi trường của tỉnh.

9. Quy trình điện tử dùng chung: là quy trình điện tử do Cục Chuyển đổi số cấu hình trên cơ sở quyết định công bố TTHC do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành; cơ quan có thẩm quyền của địa phương thực hiện cập nhật, điều chỉnh các nội dung thuộc phạm vi quản trị của mình trên cơ sở quy trình điện tử dùng chung.

Chương II

VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Vị trí, vai trò của HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường

1. HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường là một thành phần trong Khung kiến trúc số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phục vụ việc giải

quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ trên môi trường điện tử; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; tổng hợp, thống kê, báo cáo phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ. HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường được triển khai thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo mô hình điều phối cấp bộ - cấp tỉnh.

2. Việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường tuân thủ các quy định về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

3. HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường được xác định thuộc nhóm hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của Nghị định số 331/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin.

Điều 5. Chức năng của HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường

Chức năng của HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng được quy định tại Thông tư số 11/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, bao gồm:

1. Tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo hình thức trực tuyến hoặc các hình thức khác theo quy định.

2. Hỗ trợ xử lý, giải quyết, luân chuyển, theo dõi và giám sát quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

4. Cung cấp chức năng thanh toán trực tuyến theo quy định.

5. Cung cấp chức năng đánh giá mức độ hài lòng, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân.

6. Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước theo quy định.

7. Thực hiện thống kê, tổng hợp, báo cáo, giám sát, đánh giá tình hình giải quyết thủ tục hành chính.

8. Thực hiện các chức năng khác theo quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Mục tiêu quản lý, vận hành và khai thác HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường

1. Bảo đảm việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ trên môi trường điện tử thống nhất, đồng bộ, liên tục, thông suốt từ Trung ương đến địa phương.

2. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính; tăng tính công khai, minh bạch và khả năng giám sát.

3. Thúc đẩy tái sử dụng dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hạn chế yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin đã có.

4. Hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

5. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nguyên tắc quản lý, vận hành và khai thác HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, giao dịch điện tử, dữ liệu số, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng.

2. Bảo đảm lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; đơn giản hóa quy trình, nâng cao trải nghiệm người sử dụng và tăng mức độ hài lòng.

3. Bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục 24 giờ trong ngày, 07 ngày trong tuần, trừ thời gian bảo trì theo kế hoạch hoặc xảy ra sự cố bất khả kháng.

4. Bảo đảm dữ liệu được quản lý tập trung, thống nhất; được chia sẻ, kết nối, khai thác theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

5. Thông tin, dữ liệu trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường phải đầy đủ, chính xác, kịp thời, minh bạch, có khả năng truy xuất nguồn gốc.

6. Hồ sơ điện tử, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử, dữ liệu điện tử được sử dụng theo nguyên tắc “một lần khai báo, nhiều lần sử dụng” theo quy định của pháp luật.

7. Việc khai thác dữ liệu phải bảo đảm đúng mục đích, đúng thẩm quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và các thông tin thuộc phạm vi bảo vệ theo quy định của pháp luật.

8. Mọi hoạt động quản trị, khai thác, sử dụng HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường phải được ghi nhận, theo dõi, giám sát thông qua cơ chế nhật ký hệ thống.

Điều 8. Quản lý tài khoản, phân quyền người dùng

1. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao nhiệm vụ trên Hệ thống được cấp một tài khoản duy nhất; việc đăng nhập, xác thực được thực hiện bằng tài khoản định danh điện tử hoặc phương thức xác thực phù hợp theo quy định của pháp luật.

2. Việc cấp, thay đổi, khóa, thu hồi tài khoản và phân quyền phải đúng đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, phạm vi quản lý; quyền truy cập được cấp ở mức tối thiểu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.

3. Quyền truy cập được phân theo các nhóm chức năng, gồm: quản trị hệ thống; quản trị nghiệp vụ; tiếp nhận hồ sơ; giải quyết hồ sơ; phê duyệt kết quả; theo dõi, giám sát; tổng hợp, thống kê, báo cáo và khai thác dữ liệu. Việc phân quyền được thực hiện theo cấp quản trị, gồm: tài khoản quản trị hệ thống; tài khoản quản trị cấp tỉnh; tài khoản nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao nhiệm vụ trên Hệ thống.

4. Cục Chuyển đổi số có trách nhiệm thiết lập và quản lý tài khoản quản trị hệ thống, tài khoản quản trị cấp tỉnh; thực hiện cấp, thay đổi, khóa, thu hồi tài khoản và quyền truy cập đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền; kiểm tra, giám sát và định kỳ rà soát việc sử dụng tài khoản trên toàn Hệ thống.

5. Việc quản lý tài khoản quản trị cấp tỉnh và phân quyền người sử dụng tại địa phương được thực hiện theo phạm vi phân quyền của hệ thống và quy định của pháp luật. Cục Chuyển đổi số hướng dẫn, phối hợp với cơ quan đầu mối của địa phương trong quá trình cấp, thay đổi, khóa, thu hồi tài khoản và phân quyền người sử dụng.

6. Trình tự, thời hạn xử lý đề nghị cấp, thay đổi, khóa, thu hồi tài khoản: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ gửi đề nghị cấp, thay đổi, khóa hoặc thu hồi tài khoản, quyền truy cập của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý theo biểu mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này về Cục Chuyển đổi số; thông báo kịp thời khi có thay đổi về nhân sự, vị trí việc làm, nhiệm vụ hoặc phạm vi xử lý công việc; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đề nghị. Cục Chuyển đổi số tiếp nhận đề nghị, kiểm tra và thực hiện chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị hợp lệ đối với việc cấp, thay đổi tài khoản, chậm

nhất 03 ngày làm việc đối với việc khóa, thu hồi tài khoản; thực hiện ngay trong trường hợp tài khoản có dấu hiệu bị lộ, bị chiếm quyền sử dụng; thông báo kết quả cho cơ quan, đơn vị đề nghị.

7. Người sử dụng phải bảo mật thông tin xác thực, sử dụng tài khoản đúng mục đích, đúng quyền hạn và chịu trách nhiệm đối với hoạt động được thực hiện bằng tài khoản của mình.

8. Nghiêm cấm sử dụng chung, cho mượn, cho thuê, chuyển giao tài khoản; tiết lộ thông tin xác thực; sử dụng tài khoản của người khác; can thiệp trái phép vào cơ chế xác thực, phân quyền của Hệ thống.

9. Mọi hoạt động cấp, thay đổi, khóa, thu hồi tài khoản và thay đổi quyền truy cập được ghi nhận, lưu vết trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường.

Điều 9. Quản lý quy trình điện tử

1. Quy trình điện tử giải quyết TTHC được thiết lập trên cơ sở quy trình nội bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, thời hạn và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân.

2. Cục Chuyển đổi số chủ trì cấu hình, thiết lập, cập nhật quy trình điện tử trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ và các quy trình điện tử dùng chung áp dụng đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố; chủ trì khai báo kịp thời các TTHC mới được công bố, đóng các TTHC đã được bãi bỏ trên Hệ thống; thực hiện phân quyền đầy đủ cho tài khoản quản trị cấp tỉnh, bảo đảm địa phương chủ động cấu hình, cập nhật, điều chỉnh quy trình điện tử theo phạm vi được phân quyền.

3. Việc cập nhật, thay đổi quy trình điện tử được thực hiện theo quy trình nội bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và lưu vết trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường.

4. Khi có thay đổi về danh mục, nội dung, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, cơ quan hoặc cấp có thẩm quyền giải quyết, biểu mẫu điện tử, yêu cầu dữ liệu hoặc quy trình nội bộ giải quyết TTHC thì cơ quan, đơn vị chủ trì có trách nhiệm thông báo và cung cấp yêu cầu nghiệp vụ đến Cục Chuyển đổi số hoặc thực hiện cập nhật theo phạm vi được phân quyền.

Điều 10. Quản lý dữ liệu

1. Dữ liệu được tạo lập, cập nhật, quản lý tập trung và sử dụng thống nhất trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường; bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, toàn vẹn, có khả năng chia sẻ, tái sử dụng và truy xuất nguồn gốc.

2. Cơ quan, đơn vị, cá nhân tạo lập, cập nhật dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và hợp pháp của dữ liệu do mình tạo lập, cập nhật thuộc phạm vi

quản lý. Trường hợp dữ liệu được kết nối, đồng bộ giữa các hệ thống, cơ quan, đơn vị quản lý dữ liệu gốc chịu trách nhiệm về dữ liệu gốc; cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật, đồng bộ chịu trách nhiệm về việc cập nhật, đồng bộ. Khi phát hiện dữ liệu sai lệch, các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp kiểm tra, đối soát và xử lý theo thẩm quyền.

3. Dữ liệu trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường được quản lý, lưu trữ, khai thác và sử dụng theo quy định của pháp luật về dữ liệu, lưu trữ, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định có liên quan.

Điều 11. Kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu

1. Hệ thống được kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống điều phối giải quyết TTHC, HTTT GQTTHC cấp tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Hệ thống thanh toán quốc gia, Hệ thống định danh và xác thực điện tử và các hệ thống thông tin khác theo quy định.

2. Việc kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về an toàn thông tin và quy định về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

3. Dữ liệu được đồng bộ tự động khi đáp ứng điều kiện pháp lý, nghiệp vụ và kỹ thuật; trường hợp đồng bộ không thành công phải có cơ chế cảnh báo, xử lý và đối soát.

4. Ưu tiên sử dụng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và giao diện lập trình ứng dụng dùng chung theo quy định.

5. Trường hợp phát sinh vi phạm, rò rỉ, mất an toàn dữ liệu trong quá trình chia sẻ, đơn vị quản lý dữ liệu và đối tác kết nối phải chịu trách nhiệm liên đới và phối hợp khắc phục sự cố theo quy định.

Điều 12. Giám sát hoạt động và quản lý nhật ký Hệ thống

1. HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường phải được giám sát liên tục đối với tình trạng hoạt động, hiệu năng, dung lượng, lưu lượng truy cập, kết nối, lỗi, nguy cơ mất an toàn thông tin và quá trình xử lý hồ sơ.

2. Khi phát hiện dấu hiệu bất thường, đơn vị quản trị HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường phải kịp thời cảnh báo, ghi nhận, xác định nguyên nhân, tổ chức xử lý và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường phải tự động ghi nhận nhật ký đối với hoạt động của người sử dụng và giao dịch phát sinh, tối thiểu gồm: thời điểm, người hoặc hệ thống thực hiện, địa chỉ truy cập, nội dung thao tác, kết quả xử lý và thay đổi đối với dữ liệu, cấu hình.

4. Nhật ký hệ thống được bảo vệ, lưu trữ theo thời hạn quy định và chỉ được khai thác phục vụ quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra, truy vết, xử lý sự cố, giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Bảo trì, sao lưu, khôi phục và bảo đảm hoạt động liên tục

1. Cục Chuyển đổi số xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì, sao lưu dữ liệu, phương án khôi phục, ứng cứu sự cố và duy trì hoạt động liên tục của HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường.

2. Việc bảo trì, nâng cấp phải bảo đảm không làm mất, sai lệch dữ liệu, không ảnh hưởng đến hồ sơ đang giải quyết và có khả năng khôi phục khi xảy ra lỗi.

3. Trường hợp phải tạm dừng HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường để bảo trì, nâng cấp, đơn vị quản trị phải thông báo trước tối thiểu 03 ngày làm việc, trong đó nêu rõ thời gian dự kiến tạm dừng và phương án duy trì hoạt động, trừ trường hợp khẩn cấp để xử lý sự cố hoặc bảo đảm an toàn thông tin.

4. Dữ liệu phải được sao lưu định kỳ, đầy đủ, toàn vẹn, an toàn, bảo mật; dữ liệu sao lưu phải được quản lý, lưu giữ theo quy định.

5. Khi xảy ra sự cố, đơn vị quản trị phải kịp thời cô lập nguyên nhân, hạn chế ảnh hưởng, bảo vệ dữ liệu, khôi phục hoạt động trong thời gian sớm nhất và thông báo cho cơ quan, đơn vị sử dụng.

6. Trường hợp HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường không thể hoạt động, việc tiếp nhận, giải quyết TTHC được thực hiện theo phương án dự phòng. Phương án dự phòng phải xác định rõ: các hình thức tiếp nhận hồ sơ được áp dụng trong thời gian Hệ thống gián đoạn; thẩm quyền quyết định kích hoạt và kết thúc phương án dự phòng; cách xác định thời điểm tiếp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết TTHC; trách nhiệm của đơn vị quản trị Hệ thống, cơ quan giải quyết TTHC và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Dữ liệu phát sinh trong thời gian gián đoạn phải được cập nhật đầy đủ lên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi hoạt động được khôi phục. Việc xác định thời điểm tiếp nhận hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC và trách nhiệm đối với trường hợp phát sinh do sự cố kỹ thuật được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu

1. HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ được phê duyệt; tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và các thông tin thuộc phạm vi bảo vệ.

2. Trung tâm Hạ tầng số thuộc Cục Chuyển đổi số có trách nhiệm triển khai giải pháp kỹ thuật bảo vệ Hệ thống; giám sát, phát hiện, cảnh báo nguy cơ; kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xử lý sự cố.

3. Việc thu thập, xử lý, khai thác, cung cấp và chia sẻ dữ liệu của tổ chức, cá nhân phải đúng mục đích, đúng thẩm quyền, trong phạm vi cần thiết và tuân thủ quy định của pháp luật.

4. Không được tiết lộ, cung cấp, chia sẻ, sao chép hoặc sử dụng trái phép dữ liệu, thông tin, hồ sơ điện tử trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường.

5. Cơ quan, đơn vị và người sử dụng có trách nhiệm chấp hành quy định về an toàn thông tin, bảo vệ thiết bị, tài khoản, dữ liệu và kịp thời thông báo khi phát hiện nguy cơ hoặc sự cố.

Chương IV

THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 15. Đăng nhập và sử dụng HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao nhiệm vụ thực hiện TTHC thực hiện đăng nhập HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường qua tài khoản định danh điện tử đã được phân quyền.

2. Việc đăng nhập, xác thực và sử dụng HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường phải bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, đúng mục đích và đúng quyền được phân công.

3. Mọi giao dịch phát sinh trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường được ghi nhận bằng nhật ký hệ thống và là căn cứ để theo dõi, kiểm tra, giám sát, xác định trách nhiệm trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 16. Tiếp nhận, phân công và giải quyết hồ sơ

1. Hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa theo quy định.

2. Hồ sơ phải được kiểm tra về thành phần, số lượng, tính đầy đủ, hợp lệ và điều kiện tiếp nhận. HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường tự động ghi nhận thời gian tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân.

3. Hồ sơ hợp lệ phải được phân công xử lý kịp thời trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường và được giải quyết đúng trình tự, thẩm quyền, thời hạn, quy trình điện tử đã được phê duyệt.

4. Việc luân chuyển hồ sơ giữa các cơ quan, đơn vị, cá nhân được thực hiện trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường. Trường hợp phải xử lý hồ

sơ giấy hoặc trên hệ thống chuyên ngành khác thì kết quả xử lý phải được cập nhật đầy đủ, kịp thời lên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường.

5. Mọi thao tác tiếp nhận, phân công, xử lý, phê duyệt và trả kết quả phải được ghi nhận, lưu vết để phục vụ theo dõi, kiểm tra và xác định trách nhiệm.

6. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phải thông báo một lần, đầy đủ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ được thực hiện thông qua HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Nội dung yêu cầu bổ sung phải cụ thể, rõ ràng, đầy đủ và không được yêu cầu bổ sung nhiều lần đối với cùng một nội dung, trừ trường hợp phát sinh tình tiết mới theo quy định của pháp luật. Việc tiếp nhận tài liệu bổ sung được thực hiện và lưu trữ trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường, gắn với mã hồ sơ đã được cấp.

Điều 17. Số hóa, lưu trữ và tái sử dụng hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

1. Hồ sơ, giấy tờ tiếp nhận trực tiếp được số hóa theo quy định; kết quả số hóa phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, toàn vẹn và gắn với mã hồ sơ.

2. Hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC điện tử được lưu trữ trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường hoặc kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về lưu trữ, giao dịch điện tử và dữ liệu.

3. Dữ liệu, giấy tờ và kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa, lưu trữ hợp pháp được khai thác, chia sẻ và tái sử dụng khi giải quyết TTHC khác theo quy định.

4. Không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại giấy tờ, tài liệu hoặc cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân nếu đáp ứng điều kiện khai thác theo quy định.

Điều 18. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

1. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết TTHC có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời kết quả giải quyết hồ sơ trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân đúng thời hạn, đúng hình thức theo quy định. Kết quả giải quyết TTHC được trả dưới hình thức điện tử, bản giấy hoặc đồng thời cả hai hình thức theo quy định của pháp luật và yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

2. Kết quả điện tử phải được ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và chữ ký điện tử.

3. HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường tự động gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân khi có kết quả giải quyết hoặc khi thay đổi trạng thái xử lý hồ

sơ thông qua tài khoản trên Hệ thống và các phương thức điện tử khác như tin nhắn SMS, thư điện tử (email) theo thông tin tổ chức, cá nhân đã đăng ký.

Điều 19. Thanh toán trực tuyến

1. Đối với TTHC có phát sinh nghĩa vụ tài chính, HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường hỗ trợ thanh toán trực tuyến thông qua các nền tảng thanh toán theo quy định.

2. Thông tin thanh toán được đồng bộ, gắn với hồ sơ điện tử và được đối soát phục vụ việc giải quyết TTHC.

3. Việc quản lý, đối soát, hoàn trả và lưu trữ thông tin thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách nhà nước, giao dịch điện tử và quy định có liên quan.

Điều 20. Theo dõi, giám sát tiến độ giải quyết hồ sơ

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và người được giao nhiệm vụ quản lý có trách nhiệm theo dõi, giám sát tiến độ giải quyết hồ sơ thuộc phạm vi quản lý; kịp thời đôn đốc, xử lý hoặc đề xuất xử lý trường hợp chậm tiến độ hoặc vi phạm quy định.

2. HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường thực hiện thống kê, cảnh báo đối với hồ sơ sắp đến hạn, quá hạn, hồ sơ chờ thực hiện nghĩa vụ tài chính, hồ sơ chờ ý kiến của cơ quan phối hợp, hồ sơ lỗi đồng bộ dữ liệu, hồ sơ chưa ký số kết quả, hồ sơ chưa trả kết quả và các hồ sơ khác cần xử lý theo quy định.

3. Trường hợp hồ sơ chậm tiến độ do nguyên nhân khách quan như sự cố kỹ thuật, lỗi kết nối hoặc sự cố của HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường mà không do lỗi của cơ quan, đơn vị, cá nhân xử lý hồ sơ thì phải được Hệ thống ghi nhận và được đơn vị quản trị Hệ thống xác nhận về nguyên nhân, thời gian và phạm vi ảnh hưởng của sự cố.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của Cục Chuyển đổi số

1. Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Thư viện thuộc Cục Chuyển đổi số có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường hoạt động ổn định, an toàn, liên tục và đáp ứng yêu cầu về chức năng, hiệu năng, khả năng mở rộng.

b) Quản trị phần mềm, cơ sở dữ liệu, cấu hình, tài khoản, phân quyền, kết nối, chia sẻ dữ liệu có liên quan.

c) Chủ trì cấu hình, cập nhật quy trình điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ và quy trình điện tử dùng chung áp dụng đối với TTHC cấp tỉnh, cấp xã trên cơ sở quy trình nội bộ và yêu cầu nghiệp vụ đã được phê duyệt; thực hiện phân quyền quản trị cho tài khoản quản trị cấp tỉnh.

d) Tổ chức kết nối, tích hợp HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường với Cổng Dịch vụ công quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nền tảng và hệ thống thông tin khác có liên quan.

đ) Xây dựng tài liệu hướng dẫn, tổ chức đào tạo, tập huấn định kỳ và hỗ trợ nghiệp vụ, kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, đơn vị thuộc UBND cấp xã được giao tiếp nhận, giải quyết TTHC ngành nông nghiệp và môi trường.

e) Công bố và duy trì đầu mối hỗ trợ kỹ thuật; tiếp nhận, phản hồi yêu cầu hỗ trợ của cơ quan, đơn vị và địa phương; là đầu mối tiếp nhận, xử lý sự cố và chủ trì phối hợp với Trung tâm Hạ tầng số trong trường hợp sự cố liên quan đồng thời đến phần mềm, cơ sở dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật.

g) Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hướng dẫn chi tiết phương án dự phòng khi HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường không thể hoạt động để áp dụng thống nhất trong toàn ngành.

2. Trung tâm Hạ tầng số thuộc Cục Chuyển đổi số thực hiện quản trị hạ tầng kỹ thuật và an toàn thông tin theo Quy chế này; tổ chức giám sát, sao lưu, khôi phục dữ liệu, bảo trì, nâng cấp; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc phối hợp xử lý sự cố kỹ thuật, sự cố an toàn thông tin.

3. Cục Chuyển đổi số là đơn vị đầu mối của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc hướng dẫn, phối hợp với địa phương triển khai việc kết nối, khai thác, sử dụng HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường đối với các TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; hướng dẫn đơn vị đầu mối của địa phương quản lý tài khoản quản trị cấp tỉnh, thực hiện cập nhật, cấu hình, điều chỉnh quy trình điện tử đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương trên cơ sở quy trình điện tử dùng chung và quy trình nội bộ đã được cấp có thẩm quyền của địa phương phê duyệt; tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp với địa phương, báo cáo Bộ trưởng xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Điều 22. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

1. Chủ trì thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính; rà soát, đôn đốc, theo dõi việc công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định.

2. Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ rà soát, chuẩn hóa nội dung thủ tục hành chính, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính.

3. Phối hợp với Cục Chuyển đổi số và các đơn vị có liên quan rà soát việc triển khai thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, tái cấu trúc quy trình, khai thác và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ

1. Là đầu mối giúp Bộ trưởng theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy chế này; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Bộ trưởng về tình hình quản lý, vận hành HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường.

2. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Chủ trì tổ chức đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tổng hợp kết quả đánh giá để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

4. Chủ trì hoặc phối hợp xử lý các phản ánh, kiến nghị liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Điều 24. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

1. Tổ chức thực hiện Quy chế này trong phạm vi quản lý; bảo đảm hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền quản lý được tiếp nhận, xử lý, cập nhật trạng thái và trả kết quả trên HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường theo quy định.

2. Chủ trì chuẩn hóa, công bố, công khai TTHC trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo đúng quy định.

3. Rà soát, cung cấp và chịu trách nhiệm về yêu cầu nghiệp vụ, dữ liệu, quy trình nội bộ; phối hợp với Cục Chuyển đổi số thực hiện kiểm thử quy trình điện tử và chức năng có liên quan.

4. Quản lý, giám sát việc sử dụng tài khoản đúng thẩm quyền; kiểm tra, giám sát tiến độ giải quyết hồ sơ và việc cập nhật dữ liệu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý.

5. Kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý hành vi vi phạm; chịu trách nhiệm khi để xảy ra vi phạm do thiếu kiểm tra, giám sát hoặc buông lỏng quản lý.

6. Thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu về tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến gửi Văn phòng Bộ, Cục Chuyển đổi số để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

Điều 25. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

1. Sử dụng HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện tiếp nhận, xử lý, giải quyết và trả kết quả TTHC đúng quy trình, thời hạn và quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, dữ liệu do mình tạo lập, cập nhật hoặc xử lý; tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, bảo mật thông tin; bảo đảm tính chính xác, trung thực của hồ sơ điện tử và thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ trên môi trường số.

3. Bảo vệ tài khoản, thiết bị, dữ liệu và thông tin thuộc phạm vi quản lý; không để lộ, lọt thông tin hoặc sử dụng HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường trái quy định.

4. Thường xuyên theo dõi công việc, trạng thái hồ sơ; kịp thời xử lý nhiệm vụ được giao và phối hợp với cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

5. Tham gia đầy đủ hoạt động hướng dẫn, đào tạo, tập huấn; kịp thời phản ánh khó khăn, sự cố hoặc nguy cơ mất an toàn thông tin đến đơn vị quản trị, vận hành HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường.

Điều 26. Đánh giá việc thực hiện Quy chế

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có thành tích trong quản lý, vận hành, khai thác HTTT GQTTHC ngành nông nghiệp và môi trường; có sáng kiến, giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; bảo đảm vận hành Hệ thống an toàn, ổn định, hiệu quả thì được xem xét biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và các quy định của Bộ.

2. Kết quả kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế là một trong các căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh yêu cầu điều chỉnh Quy chế, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Chuyển đổi số) để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế được thực hiện theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản của Bộ và bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cục Chuyển đổi số chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, rà soát, đánh giá việc thực hiện Quy chế; đề xuất Bộ trưởng sửa đổi, bổ sung Quy chế khi:

a) Có thay đổi quy định của pháp luật liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính, giao dịch điện tử, dữ liệu, an toàn thông tin hoặc bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Có thay đổi về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của Bộ hoặc các đơn vị thuộc Bộ;

c) Có yêu cầu nâng cấp, mở rộng hoặc thay đổi mô hình quản lý, vận hành Hệ thống;

d) Có yêu cầu từ thực tiễn quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống.

4. Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế, Cục Chuyển đổi số, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

PHỤ LỤC

Mẫu cung cấp thông tin đăng ký cấp/thay đổi, khóa, thu hồi tài khoản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành nông nghiệp và môi trường

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
<TÊN ĐƠN VỊ>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Chuyển đổi số

1. Tên đơn vị:……..……..……
2. Địa chỉ:……Email:…….….SĐT:…….…….....
3. Thông tin liên hệ:

- Ông (Bà): ……..……..… Chức vụ: ..…….……..……
- Đơn vị công tác: …….……
- Email: …….…….……...……
- Số điện thoại liên hệ (cố định, di động): ……..……..…

Đề nghị cấp/thay đổi, khóa, thu hồi tài khoản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành nông nghiệp và môi trường theo danh sách dưới đây:

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Email	Số điện thoại	Số định danh cá nhân	Chức vụ	Đơn vị công tác	Có tra cứu CSDL quốc gia về dân cư[1]	Tần suất khai thác CSDL quốc gia về dân cư[2]
1										
…										

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

[1] Cán bộ được tra cứu Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì điền "Có".
[2] Tần suất khai thác tính theo số lượt một ngày (lượt/ngày).